

MÔI TRƯỜNG GIAO TIẾP

ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI

NGUYỄN TRỌNG DO

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Các nhà nghiên cứu khác nhau (M. West, M. Kozhina, E. Shubin ...) đã từng xem xét vấn đề về môi trường giao tiếp từ những khía cạnh khác nhau, đã đề xuất những định nghĩa và những bảng phân loại không giống nhau. Chúng tôi khảo cứu vấn đề này xuất phát từ lý luận và thực tiễn dạy và học ngoại ngữ.

2. Định nghĩa

Chúng tôi cho rằng, các môi trường giao tiếp khác nhau là những lĩnh vực, không gian giao tiếp xã hội được khu biệt bởi những động cơ, mục đích, nội dung, hình thức và các phương tiện ngôn ngữ cần thiết để thực hiện hoạt động lời nói.

Như vậy, một môi trường giao tiếp được hiểu là một lĩnh vực, một không gian giao tiếp xã hội mang tính chất đồng nhất về động cơ, mục đích, nội dung, hình thức và các phương tiện ngôn ngữ cần thiết để các chủ thể cụ thể thực hiện hoạt động lời nói.

3. Phân loại

Khái niệm "môi trường giao tiếp" mang trong bản thân nó mối quan hệ có tính chất đẳng cấp, thứ bậc. Để phản ánh mối quan hệ đẳng cấp này, trên cơ sở khảo cứu lý luận và thực tiễn các loại môi trường giao tiếp nhằm mục tiêu hệ thống hóa, chúng tôi đề nghị sử dụng các khái niệm sau : a) "môi trường giao tiếp vĩ mô"; b) "môi trường giao tiếp cơ bản"; c) "môi trường giao tiếp vi mô".

Cơ sở để phân biệt các môi trường giao tiếp vĩ mô theo chúng tôi là "vai trò xã hội" của những người tham gia giao tiếp. Quá trình giao tiếp chỉ có thể diễn ra khi có nguồn phát thông tin và nguồn nhận thông tin. Thông thường, nguồn phát thông tin và nguồn nhận thông tin là con người. Như vậy, trong giao tiếp ít nhất phải có hai người tham gia. Tiêu chí "vai trò xã hội" của người tham gia giao tiếp, mà chúng tôi lựa chọn làm dấu hiệu khu biệt mang nội dung cụ thể là : a) vai trò xã hội nghiệp vụ có nghĩa là người tham gia giao tiếp đang tiến hành hoạt động nghề nghiệp (bác sĩ đang khám bệnh, mẫu dịch viên đang bán hàng ...); b) vai trò xã hội phi nghiệp vụ có nghĩa là người tham gia giao tiếp đang giữ vai trò của một công dân, một thành viên của cộng đồng xã hội, không thi hành công vụ theo nghề nghiệp (bệnh nhân, khách mua hàng ...). Ở đây chúng ta có được 3 khả năng sau :

- a) **Giao tiếp nghiệp vụ** : cả hai người đang tiến hành hoạt động nghiệp vụ;
- b) **Giao tiếp phi nghiệp vụ** : cả hai người giao tiếp đều đang giữ vai trò công dân, thành viên của cộng đồng xã hội, không tiến hành hoạt động nghiệp vụ;
- c) **Giao tiếp bán nghiệp vụ** : một người đang tiến hành hoạt động nghiệp vụ; người còn lại không tiến hành hoạt động nghiệp vụ;

Dựa vào tiêu chí "vai trò xã hội" của người tham gia giao tiếp chúng ta phân biệt được 4 môi trường giao tiếp vĩ mô bao gồm: sinh hoạt, sinh hoạt - xã hội, nghiệp vụ, học tập.

1- Môi trường giao tiếp vĩ mô sinh hoạt có những nét đặc trưng sau

- **Giao tiếp phi nghiệp vụ**, cả hai người giao tiếp đều đang giữ vai trò thành viên của cộng đồng xã hội, không tiến hành hoạt động nghiệp vụ;
- **Hình thức giao tiếp ngôn ngữ chủ yếu** : **Nói** (hội thoại theo tình huống, hội thoại theo chủ đề, hội thoại đi kèm với tranh luận, độc thoại kể về sự kiện ...); **Viết** (ghi chép cá nhân, thư gửi người thân ...); **Nghe** với tư cách là thành tố cấu tạo quá trình giao tiếp bằng lời nói;
- **Tính chất mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp**: không chính thức.

2- Môi trường giao tiếp vĩ mô sinh hoạt - xã hội

- **Giao tiếp bán nghiệp vụ**: một người đang tiến hành hoạt động nghiệp vụ; người còn lại không tiến hành hoạt động nghiệp vụ;
- **Hình thức giao tiếp ngôn ngữ chủ yếu** : **Nói** (hội thoại theo chủ đề, tranh luận, độc thoại giảng giải, độc thoại chỉ dẫn, ...); **Viết** (thông báo, hướng dẫn ...); **Nghe** với tư cách là thành tố cấu tạo quá trình giao tiếp bằng lời nói;
- **Tính chất mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp** : chính thức.

3- Môi trường giao tiếp vĩ mô nghiệp vụ

- **Cả hai người giao tiếp đang tiến hành hoạt động nghiệp vụ**;
- **Hình thức giao tiếp ngôn ngữ chủ yếu** : **Nói** (hội thoại theo tình huống, hội thoại theo chủ đề, tranh luận, tất cả các dạng độc thoại cơ bản); **Viết** (bài báo, chuyên luận, toàn bộ các công văn, giấy tờ chính thức); **Độc** (lướt, phân tích ...); **Nghe** với tư cách là thành tố cấu tạo quá trình giao tiếp bằng lời nói;
- **Tính chất mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp** : chính thức.

4- Môi trường giao tiếp vĩ mô học tập:

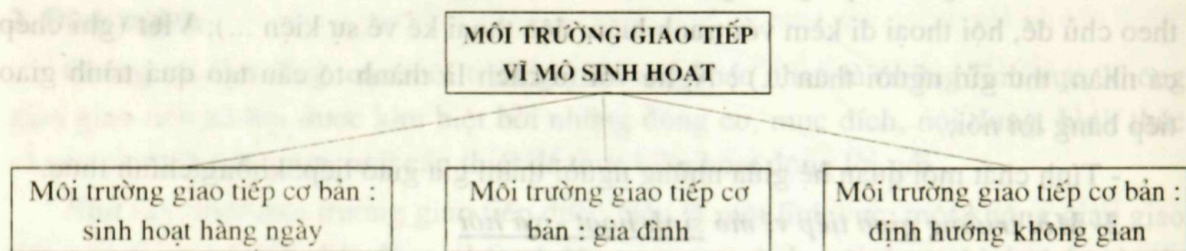
- **Vai trò xã hội của hai bên tham gia giao tiếp không giống nhau** : giáo viên thì đang tiến hành hoạt động nghiệp vụ, còn học viên chưa có nghiệp vụ, nhưng đang tiến dần tới lĩnh vực giao tiếp nghiệp vụ;
- **Hình thức giao tiếp ngôn ngữ chủ yếu** : **Nói** (hội thoại theo chủ đề, tranh luận,

hội thoại đi kèm với tranh luận, trình bày, thuyết minh); **Viết** (bài báo, chuyên luận, toàn bộ các công văn, giấy tờ chính thức) ; **Đọc** (tất cả các dạng cơ bản); **Nghe** với tư cách là thành tố cấu tạo quá trình giao tiếp bằng lời nói;

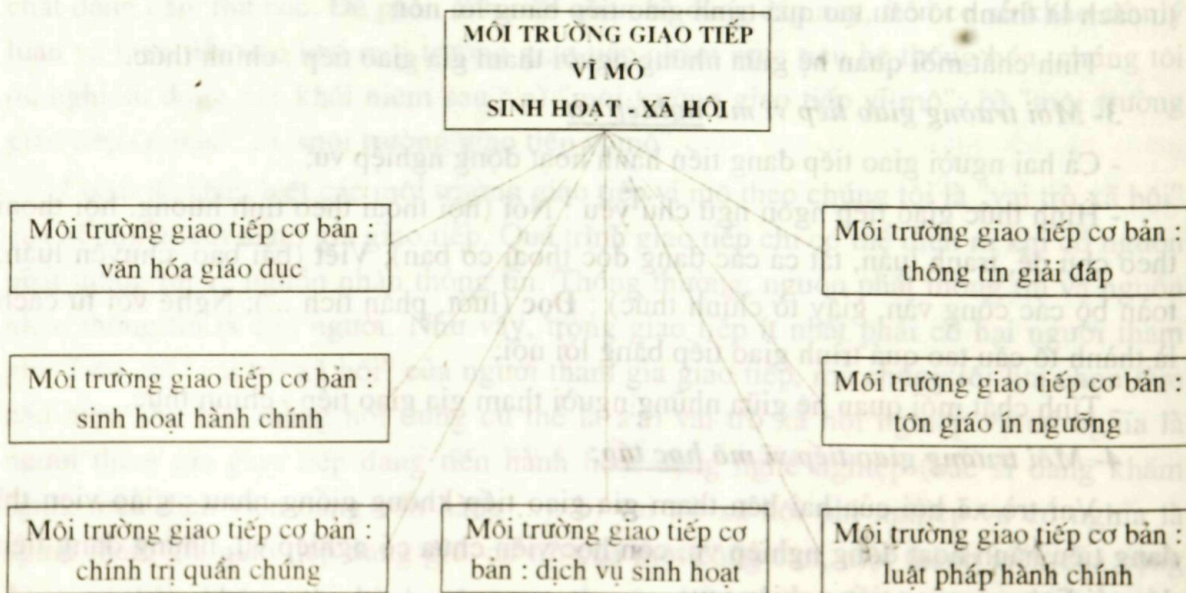
- Tính chất mối quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp : chính thức.

Cơ sở thứ hai được chúng tôi sử dụng để hệ thống hóa môi trường giao tiếp là tính đồng nhất về chủ đề giao tiếp. Mỗi môi trường giao tiếp vĩ mô đã mô tả ở trên được phân chia thành các môi trường giao tiếp cơ bản. Một số môi trường giao tiếp cơ bản lại được tiếp tục chia nhỏ hơn thành các môi trường giao tiếp vi mô. Chúng tôi xin giới thiệu cấu trúc thứ bậc của từng môi trường giao tiếp vĩ mô dưới dạng sơ đồ như sau :

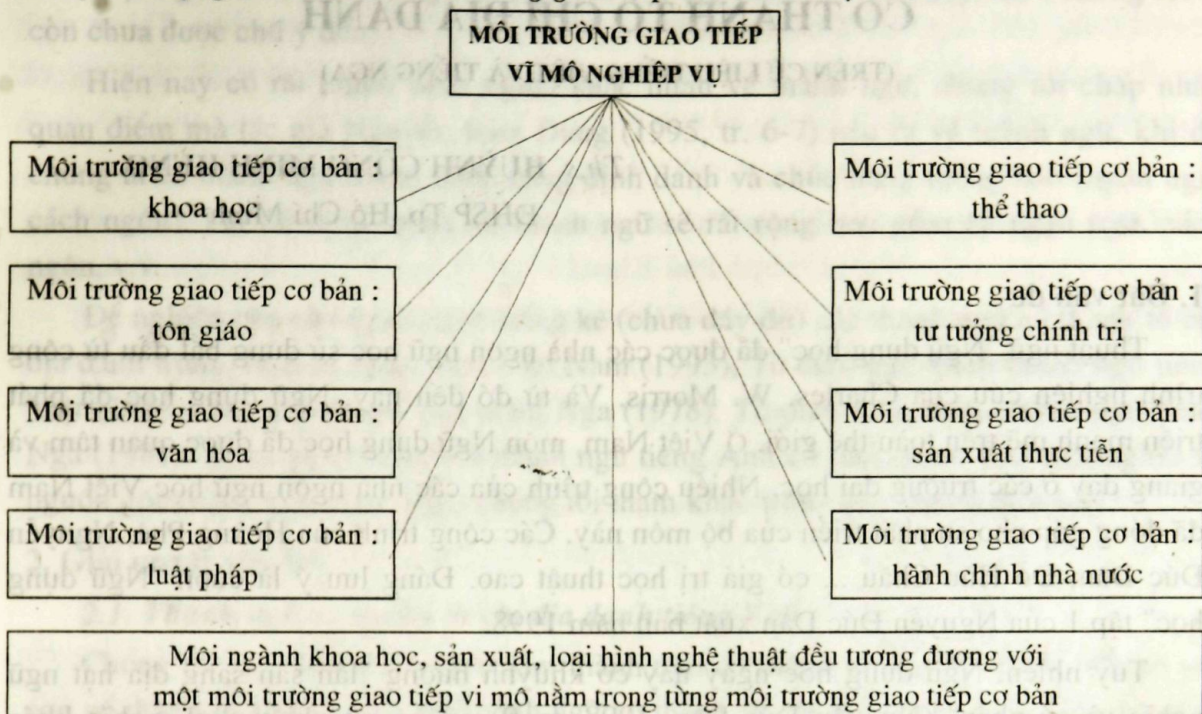
1- *Môi trường giao tiếp vĩ mô sinh hoạt được phân chia thành ba môi trường giao tiếp cơ bản như sau:*



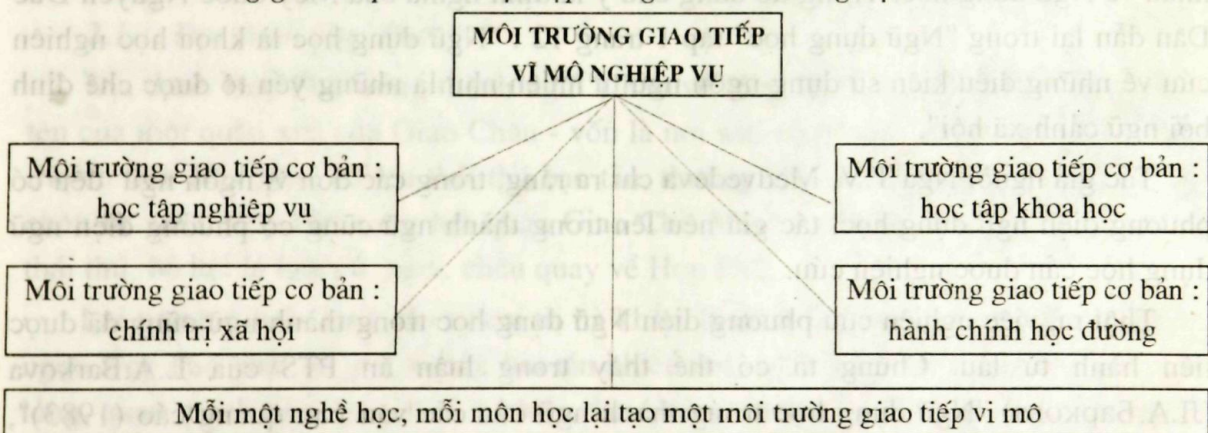
2- *Môi trường giao tiếp vĩ mô sinh hoạt - xã hội có một hệ thống khá lớn các môi trường giao tiếp cơ bản bao gồm:*



3- Môi trường giao tiếp vĩ mô nghiệp vụ lớn nhất, có 8 môi trường giao tiếp cơ bản và một số lượng rất lớn các môi trường giao tiếp vi mô thể hiện ở sơ đồ sau :



4- Môi trường giao tiếp vĩ mô học tập cũng có nhiều tầng bậc :



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kozhina M.N. *Kosnovanijam funkcionalnoi stilistike*. - Perm, 1968.
2. Motrozilova N.V. *Bytije // Voprosy filosofiji*. 1989.- No 4.
3. Skalkin B.L. *Osnovy obuchenija ustnoi inozazychnoi rechi*. M., 1989.
4. Khalejeva I.I. *Osnovy teoriji obuchenija ponimaniju inozazychnoi rechi*. M., Vyshaja shkola. 1989.
5. Shubin E.P. *Jazykovaja kommunikatsija I obuchenije inostrannym jazykam*. M., 1972.